

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT
Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật:

1.1. Giới thiệu chung về dự án, gói thầu:

- Dự toán: Mua sắm các loại vật tư phục vụ công tác vận hành Nhà máy điện Phú Mỹ 2.2 năm 2026 - 2027.
- Tên gói thầu số 01: Cung cấp vật tư cho hệ thống chiếu sáng, máy lạnh phục vụ công tác vận hành Nhà máy điện Phú Mỹ 2.2 năm 2026 - 2027.
- Chủ đầu tư: Tổng Công ty Phát điện 3 - CTCP.
- Nguồn vốn: Vốn sản xuất kinh doanh của EVN.
- Phạm vi công việc: Cung cấp vật tư cho hệ thống chiếu sáng, máy lạnh phục vụ công tác vận hành Nhà máy điện Phú Mỹ 2.2 với số lượng như Mục 1.2 Chương này.
- Thời gian thực hiện gói thầu: Trong vòng 380 ngày lịch kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực. Trong đó, thời gian thực hiện: trong vòng 365 ngày lịch kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực. Thời gian giao hàng và chứng từ kèm theo đạt yêu cầu là trong vòng 23 ngày lịch kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực hoặc kể từ ngày được nêu trong thông báo (bằng email/văn bản/điện thoại) của Chủ đầu tư.
- Địa điểm thực hiện: Nhà thầu phải chịu trách nhiệm bốc dỡ hàng khỏi phương tiện vận chuyển và giao hàng tại: Nhà máy điện Phú Mỹ 2.2, Địa chỉ: Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, Phường Phú Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật:

Nhà thầu cung cấp hàng hóa đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật như sau:

Stt	Danh mục hàng hóa	ĐVT	Số lượng
1	Đèn Led tuýp T8 VinaLED Mã hàng: V2TLF-25 Công suất: 25W Điện áp: 220VAC/50Hz Nhiệt độ màu: 6500K, ánh sáng Trắng Kích thước: L1198 x D29mm Góc chiếu: 120° NSX: VINALED Hoặc tương đương	Cái	200
2	Đèn LED High Bay Điện Quang ĐQ Mã sản phẩm: LEDHB05 60765 Dải điện áp: 100 ~ 265V Công suất: 60W	Cái	31

Stt	Danh mục hàng hóa	ĐVT	Số lượng
	Hệ số công suất: > 0.9 Hiệu suất sáng: > 90 Lm/W Chỉ số truyền màu: > 70Ra NSX: Điện Quang Hoặc tương đương		
3	Đèn LED Panel 42W VinaLED Model: PL-6060DS42 mẫu D Công suất tiêu thụ: 42W Quang thông: 4205 Lm (Trắng tự nhiên) Nhiệt độ màu ánh sáng: 6500K Kích thước sản phẩm: 600x600x10mm Kích thước thi công: 583x583mm Điện áp ngõ vào: AC220-24 NSX: Vinaled Hoặc tương đương	Bộ	29
4	Bóng đèn LED Model: SLB7020-V/10W Công suất: 10W Điện áp: 220V Màu ánh sáng: 6500K Quang thông: ≥900 Lm Kích thước: Φ70*130mm NSX: SUNMAX Hoặc tương đương	Cái	10
5	Bóng đèn led Model: TL-RA10-C Công suất: 10W Điện áp: 100-240VAC Lm: 1055 Lm CCT: 6500K NSX: ROBOLED Hoặc tương đương	Cái	40
6	Bóng đèn LED tuýp T8 20W (Nhôm-Nhựa) (đầu đèn xoay) Model: LED TUBE T8 120/20W (E) Công suất: 20W Điện áp: 100-250V/50-60Hz Quang thông: 2200 Lm Nhiệt độ màu: 3000/5000/6500K Kích thước (Ø x L): (26 x 1213) mm NSX: Rạng Đông Hoặc tương đương	Cái	50
7	LED chiếu sáng khẩn cấp 6W - EML Kích thước (Size):308 x 138 x 100mm Đóng gói (Package):6 cái/thùng Thời gian sử dụng: 3h Thời gian sạc: 20h Dung lượng Pin: 6.0Ah/3,2V Điện áp:110-220VAC Môi trường hoạt động: Trong nhà	Cái	03

Stt	Danh mục hàng hóa	ĐVT	Số lượng
	NSX: MPE Hoặc tương đương		
8	Đèn Panel 40W (60x60cm) Model: VinaLed PLS-DW40 Công suất tiêu thụ:40W Quang thông: 4410 Lm (Trắng) Nhiệt độ màu ánh sáng: 6500K Kích thước sản phẩm: 600x600x10mm Kích thước thi công: 583x583mm Điện áp ngõ vào: AC220-240V Chỉ số hoàn màu: Ra>80 NSX: VinaLed Hoặc tương đương	Cái	20
9	Đèn led công nghiệp chống thấm Model: Duhal DDB200 Công suất: 200W Điện áp: 180V 260V/50Hz Quang thông: 100 Lm Nhiệt độ màu: 3000-6500K Ánh sáng: Trắng Kích thước: Lx W x H (415 x 415 x 180) Vật liệu: nhôm cao cấp Hoặc tương đương	Cái	02
10	Đèn led âm trần Model: DN027B LED12/CW D150 RD Quang thông: 1300 Lm Nhiệt độ màu: 6500k Quang hiệu (định mức) (Danh định):111,00 lm/W NSX: Philips Hoặc tương đương	Cái	25
11	Đèn led ốp trần nổi tròn Model: AFC-555-36W Kiểu dáng: Đèn âm trần tròn. Màu sắc ánh sáng: 6500K NSX: Anfacó Hoặc tương đương	Cái	03
12	Đuôi đèn nhựa E27	Cái	14
13	Bình gas R22 (13kg/bình)	Bình	03
14	Bình gas R410A (10kg/bình)	Bình	04
15	Tụ nhôm 15 μ F-380V	Cái	08
16	Tụ nhôm 25 μ F-380V	Cái	08
17	Tụ nhôm 35 μ F-380V	Cái	08
18	Tụ nhôm 40 μ F-380V	Cái	08

Stt	Danh mục hàng hóa	ĐVT	Số lượng
19	Tụ nhôm 45 μ F-380V	Cái	08
20	Tụ nhôm CBB65: 50 μ F, 450Vac	Cái	08
21	Tụ nhựa 1,5 μ F- 380V	Cái	08
22	Tụ nhựa 2 μ F- 380V	Cái	08
23	Tụ nhựa 3 μ F- 380V	Cái	03
24	Tụ nhựa 5 μ F- 380V	Cái	03
25	Tụ nhựa 6 μ F- 380V	Cái	08
26	Tụ điện cho máy nén 35 μ F/ 450V AC	Cái	10
27	Tụ điện cho máy nén 40 μ F/ 450V AC	Cái	08
28	Tụ điện cho máy nén 45 μ F/ 450V AC	Cái	10
29	Tụ điện cho quạt dàn lạnh 2 μ F 450VAC	Cái	10
30	Tụ điện cho quạt dàn lạnh 2.5 μ F 450VAC	Cái	10

Ghi chú: Nhà thầu cần lưu ý các nội dung sau:

- Hàng hoá nêu trên là loại hàng hóa mà Chủ đầu tư đang sử dụng. Nhà thầu có thể chào đúng loại hoặc tương đương hoặc tốt hơn loại yêu cầu nhưng phải đảm bảo phù hợp với yêu cầu sử dụng của Chủ đầu tư. Nhà thầu phải cung cấp tài liệu kỹ thuật, các chứng chỉ cần thiết, có bảng phân tích đặc tính kỹ thuật tương đương giữa mặt hàng yêu cầu và mặt hàng được chọn thay thế để chứng minh hàng do nhà thầu chào đáp ứng yêu cầu của Chủ đầu tư.

- Hàng hóa có quy cách tương đương là hàng hóa có đặc tính kỹ thuật tương tự, có tính năng sử dụng tương đương với loại hàng hóa đã nêu.

- Số lượng nêu trên chỉ là ước tính. Việc giao hàng sẽ chia làm nhiều đợt, số lượng giao hàng mỗi đợt sẽ căn cứ theo văn bản yêu cầu của Chủ đầu tư.

- Giá chào thầu phải bao gồm tất cả các chi phí, thuế để nhà thầu thực hiện giao hàng đến địa điểm giao hàng nêu tại Mục 1.1 Chương V. Đối với hạng mục 13 và 14 (Bình gas R22, Bình gas R410A) là giá đã bao gồm cung cấp bình chứa gas.

1.3. Các yêu cầu khác:

1.3.1. Yêu cầu về chất lượng hàng hóa và tiêu chuẩn kỹ thuật:

Nhà thầu phải có cam kết đáp ứng hàng mới 100% theo tiêu chuẩn kỹ thuật của Nhà sản xuất.

1.3.2. Tính hợp lệ của hàng hoá:

- ❖ Về xuất xứ hàng hóa: Nhà thầu chào hàng hóa phải có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng. Xuất xứ được hiểu là Quốc gia (Nước) hoặc nhóm nước hoặc vùng lãnh thổ. Trường hợp nhà thầu chào không có xuất xứ cụ thể E-HSDT của

nhà thầu sẽ không đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 3 Tiêu chuẩn đánh giá kỹ thuật của E-HSMT.

- ❖ Về nhãn hiệu, hãng sản xuất: Trường hợp hàng hóa chào không nêu rõ nhãn hiệu hoặc hãng sản xuất thì hàng hóa đó không đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 3 - Tiêu chuẩn đánh giá kỹ thuật của E-HSMT.

Tất cả hàng hóa được coi là hợp lệ nếu có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, hợp pháp. Vì vậy, nhà thầu phải nêu rõ hàng hóa được chào hàng do hãng sản xuất nào cung cấp, nguồn gốc xuất xứ của hàng hóa và cam kết cung cấp các chứng từ chứng minh tính hợp lệ của hàng hóa trong trường hợp nhà thầu trúng thầu và ký hợp đồng cung cấp chính thức bao gồm:

- Tài liệu, bản vẽ kỹ thuật hoặc hướng dẫn sử dụng của hãng sản xuất.
- Chứng chỉ xuất xứ do cơ quan có thẩm quyền nước sản xuất/xuất khẩu cấp nếu là hàng nhập khẩu: Bản gốc hoặc bản liên 2 (bản đóng dấu “Copy” của cơ quan có thẩm quyền cấp) hoặc bản sao y chứng thực hoặc bản sao y của đơn vị nhập khẩu kèm bản gốc để đối chiếu.
- Chứng chỉ chất lượng (hoặc chứng chỉ khác có giá trị tương đương) do Nhà sản xuất/Văn phòng đại diện của Nhà sản xuất cấp: Bản gốc hoặc bản điện tử được phát hành hợp lệ hoặc bản sao y chứng thực hoặc bản sao y của đơn vị nhập khẩu kèm bản gốc để đối chiếu.
- Tờ khai hải quan và bảng liệt kê chi tiết hàng hóa đính kèm, nếu là hàng nhập khẩu (bản photo không thể hiện giá trị hàng hóa, có thể hiện đầy đủ thông tin số tờ khai, có đóng dấu xác nhận của Nhà thầu).
- Chứng từ đã nộp thuế nhập khẩu và/hoặc thuế giá trị gia tăng do cơ quan chức năng phát hành (nếu có).
- Giấy bảo hành hàng hóa (bản gốc).
- Đối với hạng mục 13 và 14 (Bình gas R22, Bình gas R410A), nhà thầu cam kết đáp ứng các điều kiện được kinh doanh, phân phối các mặt hàng này theo quy định pháp luật hiện hành.

1.3.3. Bảo hành hàng hoá

- Thời gian bảo hành: Tối thiểu 12 tháng kể từ ngày có biên bản nghiệm thu hàng hóa đạt yêu cầu.
- Địa điểm bảo hành: Như địa điểm giao hàng tại Mục 1.1 Chương V.

Mục 2. Bản vẽ: Không áp dụng

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm : Thực hiện theo quy định tại điều khoản E-ĐKC 21.1 của Hợp đồng.